

E6-VOCABULARY (HK1)

Adjectives to describe a neighborhood (Tính từ mô tả môi trường xung quanh)

Chật hẹp	Tuyệt vời	Thuộc về lịch sử	Thú vị	Bận rộn
Thuận tiện	Ồn ào	Rộng rãi	Hiện đại	Cổ kính
Độc đáo	Bị ô nhiễm	Buồn tẻ	Dễ chịu	Lãng mạn
		Đồng đúc	Sống động	
				
				
				
				



021c2



The End